

1689

1995

BỘ THƯƠNG MẠI
VIỆN KINH TẾ-KỸ THUẬT THƯƠNG MẠI

ĐỀ TÀI KHOA HỌC

XÂY DỰNG CẤU TRÚC THỊ TRƯỜNG HỢP LÝ
THEO HƯỚNG CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN THỊ
TRƯỜNG ĐẾN NĂM 2000

(92 - 78 - 265)

*Nghiệm thu tại Hà Nội, ngày 19.4.94
Chủ tịch Hội đồng nhà nước
nghiệm thu cấp Bộ*

*96-78-162/KQ
(12/6/96)*



HÀ NỘI, THÁNG 12 NĂM 1993

PTS. Nguyễn Báich Khoa

1689

17/5/95

TRUNG TÂM THÔNG TIN KINH TẾ
QUỐC GIA
1689
TRUNG TÂM THÔNG TIN KINH TẾ
QUỐC GIA

BỘ THƯƠNG MẠI
VIỆN KINH TẾ-KỸ THUẬT THƯƠNG MẠI

ĐỀ TÀI KHOA HỌC

XÂY DỰNG CẤU TRÚC THỊ TRƯỜNG HỢP LÝ
THEO HƯỚNG CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN
THỊ TRƯỜNG ĐẾN NĂM 2000

(Mã số 92 - 78 - 265)

Cơ quan quản lý

Cơ quan chủ trì

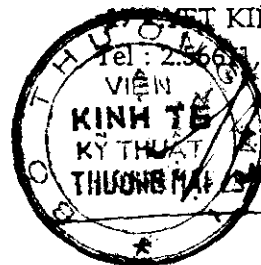
BỘ THƯƠNG MẠI
(VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ)
91 ĐINH TIÊN HOÀNG - HÀ NỘI
Tel: 2.55148, 2.55151
TRƯỞNG BỘ THƯƠNG MẠI
TRƯỞNG VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
PHÓ VỤ TRƯỞNG



NGUYỄN-QUANG-ĐÀO

VIỆN KINH TẾ-KỸ THUẬT
THƯƠNG MẠI

17 ĐINH TIÊN HOÀNG - HÀ NỘI
Tel: 2.56631, 2.63339
VIỆN TRƯỞNG
VIỆN KINH TẾ KỸ THUẬT THƯƠNG MẠI
GIÁO SƯ HOÀNG ĐẠT



Những người thực hiện

- Chủ nhiệm đề tài : PTS. HOÀNG THỌ XUÂN
- P. chủ nhiệm kiêm thư ký : Cử nhân TRẦN MINH NHẬT
- Các thành viên : PTS. LÊ THIÊN HẠ
KS. DOẢN CÔNG KHÁNH
Cử nhân VŨ QUỐC LỘC

HÀ NỘI, THÁNG 12 NĂM 1993

1689

17/5/95

X607 1476/95

MỤC LỤC

	<u>Trang</u>	
Lời mở đầu	1	
PHẦN THỨ NHẤT: KHÁI QUÁT THỰC TRẠNG CẤU TRÚC THỊ TRƯỜNG VIỆT NAM		
A. Theo thành phần kinh tế trong lĩnh vực thương mại - dịch vụ		
I. Thương nghiệp quốc doanh	5	
II. Thương nghiệp ngoài quốc doanh	10	
B. Theo kênh lưu thông hàng hoá		
I. Nông - Lâm - Thủy sản	13	
II. Vật tư	15	
III. Hàng tiêu dùng	16	
C. Theo các vùng lãnh thổ	19	
PHẦN THỨ HAI : ĐỊNH HƯỚNG CẤU TRÚC THỊ TRƯỜNG TRÊN CÁC ĐỊA BÀN CHỦ YẾU THEO HƯỚNG CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN THỊ TRƯỜNG ĐẾN NĂM 2.000		
A. Quan điểm, phương hướng và các giải pháp lớn của chiến lược phát triển thị trường		30
B. Định hướng cấu trúc thị trường trên các địa bàn chủ yếu		35
I. Định hướng cấu trúc thị trường đô thị	35	
II. Định hướng cấu trúc thị trường nông thôn	48	
III. Định hướng cấu trúc thị trường miền núi	59	
Kết luận	76	
Phụ lục		
Tài liệu tham khảo		

LỜI MỞ ĐẦU

Dưới giác độ kinh tế thương mại, cấu trúc thị trường (giới hạn ở thị trường hàng hoá và dịch vụ) là khái niệm chỉ một tổ hợp các bộ phận, các thành phần cùng với cách bố trí sắp xếp và phối kết giữa chúng với nhau để tạo nên một chỉnh thể thị trường. Trong khi đó, vì muốn khẳng định là môn khoa học thực chứng, đặt mọi hành vi ứng xử về sản xuất kinh doanh trong môi trường khách quan của từng hình thái thị trường nhất định, nên kinh tế học hiện đại nghiên cứu cấu trúc thị trường chủ yếu về số lượng và sự phân công của người mua - kẻ bán, đề cập đến cấu trúc thị trường ở khía cạnh tính chất và phương thức của cơ chế vận hành, và theo đó phân định ra thành các cấu trúc: Thị trường cạnh tranh, thị trường độc quyền, thị trường bán cạnh tranh, thị trường bán độc quyền v.v...

Với cách hiểu cấu trúc thị trường là cấu trúc của một phạm trù kinh tế, cấu trúc của một lĩnh vực hoạt động (lưu thông hàng hoá), cấu trúc của một tổ hợp các điều kiện, các ràng buộc, các dàn xếp và tác động qua lại để hàng hoá được mua, được bán, được vận động; đồng thời, với cách hiểu cấu trúc thị trường trong khuôn khổ kinh tế học chuyên ngành, phục vụ cho công tác định hướng - quy hoạch, tổ chức - quản lý sự phát triển của thị trường và thương nghiệp, thì nghiên cứu cấu trúc thị trường không gì khác hơn là nghiên cứu cơ cấu và kiến trúc của thị trường với tư cách là một chỉnh thể kinh tế sống động. Nói cách khác, đề cập tới cấu trúc thị trường, về cơ bản, là muốn đề cập tới: Thị trường gồm những bộ phận gì, thành phần gì và được tổ chức, xây dựng theo kiểu nào, mô hình nào? Như vậy, nội dung của cấu trúc thị trường bao gồm các phương diện chủ yếu:

- Cấu trúc theo không gian: Địa bàn, vùng, lãnh thổ

- Cấu trúc theo khu vực và thành phần kinh tế; theo chế độ sở hữu; theo quy mô, cơ cấu, loại hình và trình độ tổ chức của các chủ thể tham gia trên thị trường (trọng tâm là các hệ thống doanh nghiệp thương mại) và của các dạng thức đặc thù như: Trung tâm thương mại, siêu thị, chợ, đường phố mậu dịch v.v...

- Cấu trúc theo các khâu chu chuyển, các kênh lưu thông, các ngành hàng, các phương thức kinh doanh...

Mục tiêu của việc nghiên cứu, xây dựng cấu trúc thị trường là để xuất những định hướng lớn, vạch ra những quy hoạch và thiết kế lớn về cấu trúc thị trường trên cơ sở của chiến lược phát triển thị trường và nhằm thực thi chiến lược phát triển thị trường nước ta đến năm 2000 và những năm tiếp theo. Xác định cho rõ hơn, đó là sự cụ thể hoá và hiện thực hoá một bước của chiến lược phát triển thị trường xét về mặt cấu trúc, bằng cấu trúc và thể hiện thông qua cấu trúc của thị trường. Với ý nghĩa đó, có thể coi cấu trúc thị trường là một phương hướng, một giải pháp, một nhiệm vụ hay một nội dung hành động và một bước đi trong kịch bản chung, lộ trình chung của công cuộc thực thi chiến lược phát triển thị trường. Định hướng xây dựng được cấu trúc thị trường trong tương lai cũng có nghĩa là hoàn thành được " một mảng " của chương trình triển khai tổng thể chiến lược phát triển thị trường đến năm 2000 và những năm sau đó. Nếu thế, tiêu chuẩn hợp lý của cấu trúc thị trường cũng dễ dàng được giải thích theo nghĩa rộng và chung nhất. Một cấu trúc thị trường được đánh giá là hợp lý khi nó, một mặt, tương thích với tính chất, đặc điểm và trình độ của sản xuất và tiêu dùng và mặt khác, thúc đẩy rõ rệt sự phát triển sâu rộng, cả về quy mô, cơ cấu và nhịp độ, cả mặt lượng và chất của sản xuất hàng hoá; đồng thời, cải thiện đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân. Theo quan điểm hiệu quả, một cấu trúc thị trường được gọi là hợp lý nếu nó tạo ra cơ sở và góp phần vào việc nâng cao hiệu quả kinh tế - xã hội của cơ chế thị trường, của hoạt động thương nghiệp. Hiệu quả này được phản ánh bởi các tiêu thức chính:

+ Hiệu quả gián tiếp: sự phát triển nhanh chóng và vững chắc về lượng và chất, về quy mô và cơ cấu của sản xuất cũng như tiêu dùng theo yêu cầu của nền kinh tế thị trường và theo định hướng các giá trị của CNXH.

+ Hiệu quả trực tiếp: Các quan hệ thị trường diễn ra thuận lợi và dễ dàng, lưu thông hàng hoá trôi chảy và thông suốt, chi phí thị trường ngày càng giảm thấp, lợi nhuận thương mại ngày càng nâng cao, doanh nghiệp ngày càng tăng trưởng...

Theo nghĩa hẹp và cụ thể hơn, một cấu trúc thị trường được công nhận là hợp lý trong trường hợp nó vừa xuất phát vừa nhằm vào mục tiêu -

phương hướng phát triển chiến lược của thị trường hướng tới trong tương lai, thông qua một chỉnh thể thị trường thống nhất và nhịp nhàng, cân đối và hài hoà, phạm vi ngày càng mở rộng, tính chất và trình độ ngày càng cao, phương thức và bộ mặt ngày càng văn minh hiện đại, chi phí ngày càng thấp, hiệu quả ngày càng cao, từ đó cải thiện căn bản sản xuất và tiêu dùng trên con đường xây dựng mô hình của đất nước về kinh tế - xã hội và nhân văn trong những thập kỷ tới. Đó là một cấu trúc đậm đà bản sắc Việt nam nhưng thấm nhuần hơi thở thời đại. Trong cấu trúc thị trường, lấy cấu trúc không gian: vùng, lãnh thổ (chủ yếu là không gian kinh tế chứ không phải là không gian địa lý) và gắn liền với nó là đặc thù kinh tế - xã hội, là lợi thế so sánh về sản xuất kinh doanh làm giác độ đầu tiên và khung khổ chung nhất để nghiên cứu, phân định cấu trúc. Tiếp theo, trong từng địa bàn chiến lược ấy (xem như là cấu trúc sơ cấp) mới đi sâu nghiên cứu thiết kế các cấu trúc của chủ thể và khách thể đối với thị trường (xem như là cấu trúc thứ cấp). Ở mỗi một cấp cấu trúc, dù là khai thác tiềm năng đặc thù hay là gợi mở tín hiệu khách quan, luôn để cao hình thái thị trường cạnh tranh, ưu tiên hệ thống thương mại hướng ngoại, mở rộng các quan hệ thị trường nhiều chiều, đón đầu các xu hướng quốc tế...

Tuy nhiên, thị trường nước ta đang trong quá trình vận động và định hình hướng tới một thị trường hoàn chỉnh và đích thực nên chưa có được một cấu trúc thị trường hợp lý, hay đúng hơn, chưa chủ động và tự giác xây dựng một cấu trúc thị trường hợp lý để thúc đẩy thị trường phát triển, thương mại lớn mạnh, doanh nghiệp tăng trưởng, từ đó thực hiện vai trò đòn xeo kinh tế đối với hai đầu: sản xuất và đời sống. Trong điều kiện như vậy, cần thiết và chỉ có thể phân tích, đánh giá thực trạng cấu trúc thị trường (một cấu trúc tự phát và gần như là tự nhiên, méo mó và biến dạng rất nhiều, ứng với một thị trường hoang sơ, thô thiển mà thực ra chưa phải là thị trường) theo các khía cạnh, các cơ cấu năng nề đầu ấn tập trung quan liêu và bao cấp. Thị trường được cấu tạo một cách chủ quan, duy ý chí, hình thức và cứng nhắc. Rập khuôn, máy móc mà không thống nhất, dàn trải, đồng đều nên chẳng tập trung. Ngay như cơ cấu theo địa bàn lãnh thổ, không gian thị trường cũng bị xé nhỏ và có lập thành các vùng và tiểu vùng bởi bức tường thành bao bọc khép kín của địa giới hành chính...

Từ khi thị trường khởi sắc, chứng tỏ được giá trị lý luận và thực tiễn của nó trong công cuộc đổi mới kinh tế và theo đà ấy, thị trường đang tiếp tục định hình và trưởng thành dưới ánh sáng soi đường của chiến lược và chính sách phát triển thị trường, việc nghiên cứu xây dựng cấu trúc thị

trường hợp lý đã có được cơ sở khoa học chắc chắn. Tư tưởng chỉ đạo, quan điểm cơ bản của quá trình định hướng, thiết kế cấu trúc thị trường hướng tới trong tương lai là phải quán triệt một cấu trúc chung rồi khuôn vào các địa bàn chiến lược (đô thị, nông thôn, miền núi) với tư cách là các mảng, các không gian kinh tế chủ yếu. Thích ứng với chúng là các mô thức thị trường, cấu trúc thị trường. Nhưng đầu sao, ở đây tập trung đề xuất các thiết kế lớn, kiến nghị các định hướng và giải pháp lớn, làm căn cứ, làm nền tảng cho công tác quy hoạch chi tiết, gợi ý hướng dẫn, theo dõi giám sát, đôn đốc hiệu chỉnh đối với quá trình thực thi sau này, bằng hàng loạt biện pháp, phương thức và công cụ quản lý Nhà nước về thị trường và thương mại - dịch vụ. Xây dựng, cấu tạo, cấu trúc nếu theo nghĩa của một động từ thì có thể hiểu là đồng nhất với tổ chức. Mà đã là tổ chức, nhất là tổ chức một lĩnh vực kinh tế khách quan như thị trường, cần hết sức "kiêng kị" sự áp đặt chủ quan duy ý chí, máy móc và thô bạo. Cho nên, khi nói đến "xây dựng một cấu trúc thị trường" cũng xin được hiểu cho rằng, đó là ý tứ, là định hướng, là thiết kế, tao cơ sở cho hoạt động điều khiển gián tiếp và có ý thức (bằng chính sách, bằng thông tin, để hướng dẫn giúp đỡ, để uốn nắn sửa chữa...) tới sự hình thành và phát triển khách quan của cấu trúc thị trường, đúng với con đường và mục tiêu đã xác định.

Những nội dung chính trên đây của công trình này được thể hiện trong hai phần lớn như sau:

PHẦN THỨ NHẤT

KHAI QUÁT THỰC TRẠNG CẤU TRÚC THỊ TRƯỜNG VIỆT NAM

A. KHAI QUÁT THỰC TRẠNG CẤU TRÚC THỊ TRƯỜNG VIỆT NAM XÉT THEO CÁC THÀNH PHẦN KINH TẾ TRONG LĨNH VỰC THƯƠNG MẠI - DỊCH VỤ

I. Thương nghiệp quốc doanh (TNQD)

I.1. Tình hình hoạt động của các đơn vị TNQD từ năm 1989 trở về trước

Khi mới chuyển sang hoạt động trong cơ chế thị trường, TNQD thể hiện sự bị động, lúng túng, nhiều đơn vị thua lỗ:

- Tỷ trọng chiếm lĩnh thị trường của TNQD trong tổng mức lưu chuyển hàng hoá trên thị trường giảm đáng kể:

Từ năm 1985 trở về trước	: 70%
Năm 1986	: 39,8%
Năm 1988	: 40,4%
Năm 1989	: 33,1% (1)

- Trong các năm 1987, 1988, 1989, nhiều đơn vị TNQD kinh doanh thua lỗ hoặc giải thể: (1)

- . TNQD trung ương : 50% số đơn vị hoạt động thua lỗ, ăn vào vốn;
- . TNQD cấp tỉnh : 25 - 30% số đơn vị thua lỗ;
- . TNQD cấp huyện : Tính đến tháng 6 - 1989, số đơn vị giải thể như

sau:

Vĩnh phú	: 85%	Lạng sơn	: 100%
Hà sơn bình	: 40%	Thanh hoá	: 97%
Hà nội	: 50%	Quảng ninh	: 25%
Hà bắc	: 50%	Hoàng liên sơn	: 18%

- Quy mô kinh doanh của TNQD lớn, song hiệu quả kinh doanh thấp:

(1) Thông báo khoa học. Viện KTKTTM - 1992.

Tổng số vốn kinh doanh của TNQD cuối năm 1990 gần 1.800 tỷ đồng (trong đó TNQD trung ương chiếm tới 90% tổng số vốn, TNQD địa phương chỉ chiếm 10% tổng số vốn) nhưng vòng quay vốn rất thấp:

Vòng quay vốn bình quân của khu vực KTQD trong các năm 1989 - 1990 là 4 vòng/năm, trong đó vòng quay vốn trong các đơn vị dự trữ vật tư rất thấp, khoảng 1 vòng/năm (5 Tổng công ty lớn của các đơn vị dự trữ vật tư đã chiếm tới 70% số vốn của các Tổng công ty trung ương). Tình trạng chiếm dụng vốn lẫn nhau lớn, lên tới hàng tỷ đồng.

Tỷ suất lợi nhuận của TNQD thấp: 10 - 12 đ / 1.000 đ vốn một tháng, trong khi đó ở khu vực TNNQD con số đó là 40 - 50 đ / 1.000 đ vốn một tháng (1).

- Đội ngũ lao động đông về số lượng, song yếu về chất lượng, đặc biệt là đội ngũ các cán bộ kém hiểu biết về kinh tế thị trường, kém năng động, nhạy bén trong cơ chế mới: Hiện nay, lực lượng lao động trong các đơn vị TNQD thừa khoảng 30 - 60% về số lượng, trong khi thiếu khoảng 50 - 60% về chất lượng. Trong đội ngũ lãnh đạo, có tới 30% giám đốc và đội ngũ quản lý không có khả năng hoặc không làm tròn chức năng quản lý (1).

1.2. Tình hình hoạt động của các doanh nghiệp TNQD từ năm 1990 trở lại đây

- Số lượng doanh nghiệp giảm đáng kể: Năm 1990 cả nước có khoảng 4.000 đơn vị TNQD (2), đến cuối năm 1992 số lượng các doanh nghiệp giảm nhiều, còn 1.745 doanh nghiệp, trong đó có 400 doanh nghiệp do trung ương quản lý (chiếm 23%) và 1.345 doanh nghiệp do địa phương quản lý (chiếm 77%) (3).

- Số lượng lao động trong các doanh nghiệp TNQD giảm nhiều:

Năm 1986 : 442,2 ngàn người, bằng 31%;
Năm 1990 : 316,6 ngàn người, bằng 27,1%;
Năm 1991 : 293,4 ngàn người, bằng 24,4%;
Năm 1992 : 274,1 ngàn người, bằng 22,3% (4)

- Tình hình vốn kinh doanh của các doanh nghiệp TNQD: Tính đến 31 - 12 - 1992, tổng số vốn của TNQD là 9.239 tỷ đồng, trong đó vốn cố định là 2.800 tỷ đồng (30%) và vốn lưu động là 5.139 tỷ đồng (70%). So với năm

(1) Thông báo khoa học. Viện KTRTMM - 1992.

(2) Tạp chí kinh tế - kế hoạch. Tháng 5 - 1993.

(3) Vụ Tổng hợp - Tổng cục thống kê - 1992.

(4) Báo cáo tình hình KT - XH 1991, 1992, 6 tháng đầu năm 1993 - TCTK.

1991, tổng số vốn kinh doanh tăng 19%, trong đó vốn cố định tăng 20%, vốn lưu động tăng 15% (3).

Trong số 9.239 tỷ đồng vốn kinh doanh thì 62% thuộc quyền quản lý của TNQD trung ương và 38% thuộc quyền quản lý của TNQD địa phương (4). Tình hình đã khác xa so với năm 1990, khi đó TNQD trung ương chiếm tới 90% tổng số vốn, TNQD địa phương chỉ chiếm 10%

- Quy mô của doanh nghiệp TNQD (3):

Quy mô lao động	Năm 1991		Năm 1992	
	Số DN	Tỷ lệ %	Số DN	Tỷ lệ %
Dưới 100 LĐ	1.051	60	1.050	60
100 - 500 LĐ	598	34	603	35
501 - 1.000 LĐ	65	4	62	3
1.001 - 3.000 LĐ	30	2	29	2
3.001 - 5.000 LĐ	1	0	1	0
Trên 5.000 LĐ	0	0	0	0
Tổng số	1.745	100	1.745	100

Quy mô lao động của các doanh nghiệp TNQD nói chung là nhỏ, tới 60% tổng số doanh nghiệp có quy mô lao động dưới 100 người, số doanh nghiệp có quy mô lao động lớn từ 1.000 người đến 5.000 người chỉ chiếm 2%, còn quy mô trên 5.000 người là không có (1991 - 1992)

Quy mô vốn	Năm 1991		Năm 1992	
	Số DN	Tỷ lệ %	Số DN	Tỷ lệ %
Dưới 500 triệu đồng	714	41	584	34
Từ 500 - 1000 tr.đ	286	15	253	15
Từ 1.001 - 3.000 tr.đ	365	21	419	24
Từ 3.001 - 5.000 tr.đ	128	7	148	8
Từ 5.001 - 10 tỷ đồng	142	8	159	9
Trên 10 tỷ đồng	140	8	182	10
Tổng số	1.745	100	1.745	100

(3) Vụ Tổng hợp - Tổng cục Thống kê - 1992.

(4) Báo cáo tình hình KT - XH 1991, 1992, 6 tháng đầu năm 1993. TCTK.